Phụ lục

ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Đơn vị đang quản lý, sử dụng	Số lượng và chủng loại xe theo Nghị định 72						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Xe từ 4 chỗ	Xe từ 12-16 chỗ	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (thường)	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (2 cầu)	Xe bán tải	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	**76**	**21**	**12**	**24**	**13**	**6**	
I	**Xe ô tô của khối văn phòng cấp tỉnh**	**15**	**3**	**3**	**1**	**8**	**0**	
1	Tỉnh ủy	5	1	1	1	2	0	
2	Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh	5	1	1	0	3	0	
3	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	1	1	0	3	0	
II	**Xe ô tô của sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh, MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội**	**48**	**12**	**9**	**17**	**5**	**5**	
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	1		1		3	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	1	1				
6	Sở Tư pháp	2	1	1				
7	Sở Khoa học và Công nghệ	2		1	1			
8	Sở Tài chính	2	1			1		
9	Sở Xây dựng	2			1	1		
10	Sở Công thương	2	1			1		
11	Sở Giao thông Vận tải	2	1			1		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	2		1	1			
13	Sở Y tế	5	1	1	2		1	
14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3	1	1	1			
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3		1	1		1	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	1		2			
17	Sở Thông tin và Truyền thông	2		1	1			
18	Sở Ngoại vụ	1			1			
19	Sở Nội vụ	2	1		1			
20	Thanh tra tỉnh	2		1	1			
21	Ban Dân tộc	1	1					
22	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh	1	1	0	0	0	0	
23	Tỉnh đoàn	1	0	0	0	1	0	
24	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1	0	0	1	0	0	
25	Hội Nông dân tỉnh	1	0	0	1	0	0	
26	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	0	0	1	0	0	
III	**Xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh**	**13**	**6**	**0**	**6**	**0**	**1**	
27	Đài phát thanh truyền hình An Giang	1					1	
28	TT. Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh	1			1			
29	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	1	1					
30	Trường Cao đẳng nghề An Giang	2	1		1			
31	Trường Cao đẳng Y tế An Giang	1	1					
32	BQL Khu kinh tế tỉnh	2	1		1			
33	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh	2			2			
34	Ban Quản lý di tích Óc Eo	0	0					
35	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông-Nông nghiệp	2	1		1			
36	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam	1	1					
IV	**Tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

STT	Đơn vị đang quản lý, sử dụng	Số lượng và chủng loại xe theo Nghị định 72						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Xe từ 4 chỗ	Xe từ 12-16 chỗ	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (thường)	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (2 cầu)	Xe bán tải	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh An Giang	Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.						
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang							
3	Hội Bảo trợ người Khuyết tật - Trẻ mồ côi và BNN							
4	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh							
5	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh							
6	Hội Đông y tỉnh							
7	Hội Chữ thập đỏ tỉnh							
8	Hội Người cao tuổi tỉnh							
9	Hội Luật gia tỉnh							
10	Hội Khuyến học tỉnh							
11	Hội Nhà báo tỉnh							
12	Hiệp hội nghề nuôi và Chế biến thủy sản							
13	Hội Người tù kháng chiến tỉnh							
14	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh							
15	Hội người mù tỉnh							